TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 981/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/8/2019
V/v: "Tranh chấp về ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương.

- Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Sơn;

2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Phan Mỹ Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 415/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 về việc: "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Hồng D, sinh năm 1993 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Thôn 12, xã Đ, huyện C, tỉnh Đăk Nông.

Tạm trú: Số 188 đường 458, tổ 3, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Lý Văn N, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Tạm trú: Số 151 đường 457, tổ 7, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn xin ly hôn ngày 15/02/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Hồng D trình bày sự việc như sau:

Bà (Trần Thị Hồng D) và ông Lý Văn N kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đăk D'rông, huyện Cư Jut, tỉnh Đăk Nông, Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01/2013 ngày 04/4/2013.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà vẫn đi làm công nhân tại xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi.

Vợ chồng bà sống không hạnh phúc vì bất đồng quan điểm, mâu thuẫn xảy ra thường xuyên, nguyên nhân do chồng bà không quan tâm, chăm sóc cho bà cũng như gia đình bên ngoại như trước đây, mà ngược lại thường xuyên quan tâm, gửi tiền giúp đỡ gia đình nội và các em trong gia đình dù đã lập gia đình rồi, đồng thời còn tỏ ý coi thường và dùng những từ ngữ thiếu tôn trọng bà cũng như gia đình bà. Dù bà góp ý nhiều lần nhưng chồng bà không thay đổi. Dần dần tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn ngày càng nihều và không thể hàn gắn nên bà đã dọn ra ngoài sống ly thân với ông Nam từ tháng 10/2018 cho đến nay, Vì không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, tình cảm vợ chồng cũng không còn, không thể hàn gắn nên bà xin được ly hôn với ông Nam.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

- Tại bản tự khai ngày 24/7/2019, bị đơn ông Lý Văn N trình bày:

Ông không đồng ý ly hôn vì ông rất thương yêu vợ ông. Ông có gọi điện hỏi thăm vợ ông nhiều lần, ông cũng chưa từng thất lễ với một ai bên vợ, ông cũng thương mẹ vợ như mẹ ruột của ông, ông vẫn điện thoại hỏi thăm mẹ vợ thường xuyên, mỗi lần có dịp về quê, ông đều vào thăm và hương hỏa cho bố, anh em ai cũng mong muốn vợ ông rút đơn lại để vợ chồng chung sống với nhau.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Đại diện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Hồng D đối với ông Lý Văn N.

+ Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ kiện: "Tranh chấp về ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, không có mặt bị đơn ông Lý Văn N nhưng ông N có đơn xin xét xử vắng mặt ông nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông N.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng D về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Lý Văn N, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Trần Thị Hồng D và ông Lý Văn N kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đăk D'rông, huyện Cư Jut, tỉnh Đăk Nông, Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01/2013 ngày 04/4/2013, nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Tại phiên tòa, bà D cho rằng quá trình chung sống giữa bà D và ông N phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông N không quan tâm, chăm sóc cho bà cũng như gia đình bên ngoại như trước đây, mà ngược lại thường xuyên quan tâm, gửi tiền giúp đỡ gia đình nội và các em trong gia đình dù đã lập gia đình rồi, đồng thời còn tỏ ý coi thường và dùng những từ ngữ thiếu tôn trọng bà cũng như gia đình bà. Dù bà góp ý nhiều lần nhưng ông N không thay đổi. Dần dần tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn ngày càng nhiều và không thể hàn gắn nên bà đã dọn ra ngoài sống ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay. Vì không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, tình cảm vợ chồng cũng không còn, không thể hàn gắn nên bà xin được ly hôn với ông N.

Tại bản tự khai ngày 24/7/2019, ông N cho rằng ông còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Tại Đơn xin xác minh tình trạng hôn nhân ngày 04/8/2019, Ủy ban nhân dân xã Trung An, huyện Củ Chi xác nhận bà D hiện không còn sống với ông Nam. Mặc dù ông N không đồng ý ly hôn nhưng vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, tạo dựng hạnh phúc gia đình, nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà D

và ông N có nhiều mâu thuẫu, sống ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay. Tại phiên tòa, bà D cương quyết xin ly hôn với ông N vì không còn tình cảm vợ chồng, không thể hàn gắn được nữa. Xét thấy hôn nhân giữa bà D và ông N không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu bà D là xin được ly hôn với ông N là có cơ sở.

- *Về con chung*:

Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xét.

- *Tài sản chung*:

Đương sự khai không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

- *Về nghĩa vụ dân sự chung*:

Đương sự khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Bà D phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Hồng D.

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Hồng D được quyền ly hôn với ông Lý Văn N.

- Về con chung:

Đương sự khai không có con chung.

- Về tài sản chung:

Đương sự khai không có tài sản chung.

- Về nghĩa vụ dân sự chung:

Đương sự khai không có nghĩa vụ dân sự chung.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc bà D phải nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0015887 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Bà D đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã Đăk D'rông, huyện Cư Jut, tỉnh Đăk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠTHẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hương